

*Tp Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2015*

## **PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU CÀ PHÊ ĐÀ LẠT**  
(*Kèm theo Tờ trình số .... của Công ty TNHH Một thành viên XNK cà phê Đà Lạt*)

### **KHÁI NIỆM:**

#### **1. Giải thích từ ngữ**

1. Trừ trường hợp Pháp luật và Điều lệ Công ty có quy định khác, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

a) Công ty: Là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu cà phê Đà Lạt.

b) Vốn điều lệ: Là vốn góp của các cổ đông đóng góp trong một thời hạn nhất định.

c) Điều lệ Công ty: Là Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu cà phê Đà Lạt.

d) Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 thay thế Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015.

e) Pháp luật: Là tất cả các văn bản pháp luật của Nhà nước được quy định tại Luật ban hành các văn bản pháp luật (bao gồm cả văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chúng).

f) Cổ đông: Là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty.

g) Người quản lý của Công ty: Là thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.

#### **2. Giải thích các chữ viết tắt trong phương án**

TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước

BHXH	Bảo hiểm xã hội
TCT	Tổng công ty
TCCB	Tổ chức cán bộ
ĐMDN	Đổi mới doanh nghiệp
BH & CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
SXKD	Sản xuất kinh doanh
XTTM	Xúc tiến thương mại
XNK	Xuất nhập khẩu
CNTT	Công nghệ thông tin
TSCĐ	Tài sản cố định
CP	Cổ phần
NN	Nhà nước
DN	Doanh nghiệp
WTO	Tổ chức thương mại thế giới

# PHẦN THỨ NHẤT

## GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

### I/ TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

#### 1. Giới thiệu về doanh nghiệp:

Tên Doanh nghiệp	: CÔNG TY TNHH MTV XNK CÀ PHÊ ĐÀ LẠT
Tên giao dịch quốc tế	: <b>Dalat Coffee Import &amp; Export Limited Company</b>
Địa chỉ	: Số 115 QL 20, xã Hiệp Thạnh, Đức Trọng, Lâm Đồng
Điện thoại	: <b>0633 841376</b> Fax: <b>0633 841018</b>
Email	: <a href="mailto:vinacafedalat@vnn.vn">vinacafedalat@vnn.vn</a>
Website	: <a href="http://www.vinacafe-dalat.com">www.vinacafe-dalat.com</a>
Mã số doanh nghiệp	: <b>5801278408</b>
Loại hình doanh nghiệp	: <i>Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu</i>
Vốn điều lệ	: <b>61.818.296.867 đồng</b>
Chủ sở hữu vốn	: <i>Tổng Công ty cà phê Việt Nam- Công ty TNHH MTV</i>

#### 2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5801278408, đăng ký lần đầu ngày 16/07/2015, theo đó:

- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh phân bón, vật tư phục vụ sản xuất (không bao gồm kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; nguyên vật liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y), vật liệu xây dựng;
- Trồng, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu cà phê, hàng nông sản.

### II/ - LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU CÀ PHÊ ĐÀ LẠT

#### 1. Lịch sử phát triển

Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Cà phê Đà Lạt trước đây là chi nhánh Tổng Công ty Cà phê Việt Nam, hạch toán phụ thuộc, hoạt động theo ủy quyền của Tổng Công ty, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Tổng Công ty.

Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Cà phê Đà Lạt tiền thân là Chi nhánh Công ty Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Cà phê II tại Lâm Đồng, được sáp nhập vào Chi nhánh Tổng Công ty Cà phê Việt Nam tại Lâm Đồng và đổi tên thành Công ty Xuất Nhập khẩu Cà phê Đà Lạt theo Quyết định số 585/QĐ-TCT-TCCB ngày 25/05/2005 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cà phê Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4216000006 đăng ký lần đầu ngày 14/02/2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 29/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 16/06/2011, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 08/05/2012, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 12/08/2013, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 03/12/2013, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 10/02/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Kể từ ngày 17/11/2010, Tổng Công ty Cà phê Việt Nam chính thức chuyển đổi sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo đó, Công ty Xuất nhập khẩu cà phê Đà Lạt là chi nhánh trực thuộc, hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Cà phê Việt Nam - Công ty TNHH MTV. Chi nhánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100101509 - 006 ngày 10/02/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

## **2. Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ khi thành lập đến nay**

Trước đây, Công ty TNHH Một thành viên XNK cà phê Đà Lạt (gọi là ‘Công ty’) là một đơn vị duy nhất trực thuộc Tổng Công ty cà phê Việt Nam đóng chân và nằm giữa vùng nguyên liệu cà phê trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, tỉnh cao nhất của vùng đất Tây Nguyên và là một trong những vùng cà phê trọng điểm của cả nước chỉ đứng sau tỉnh Đắk Lắk với sản lượng thu hoạch cà phê hàng năm xuất khẩu trên 25.000 tấn nhân/năm. Chức năng và nhiệm vụ chính của Công ty là thu mua, chế biến và xuất khẩu cà phê nhân Robusta, Arabica theo công nghệ chế biến chất lượng cao, hiện đại.

Với các lợi thế sẵn có: vùng nguyên liệu ổn định, nhà máy, kho hàng, máy móc thiết bị hiện đại cùng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, Công ty đã từng bước khẳng định vị thế và thương hiệu của mình trên thị trường trong nước và

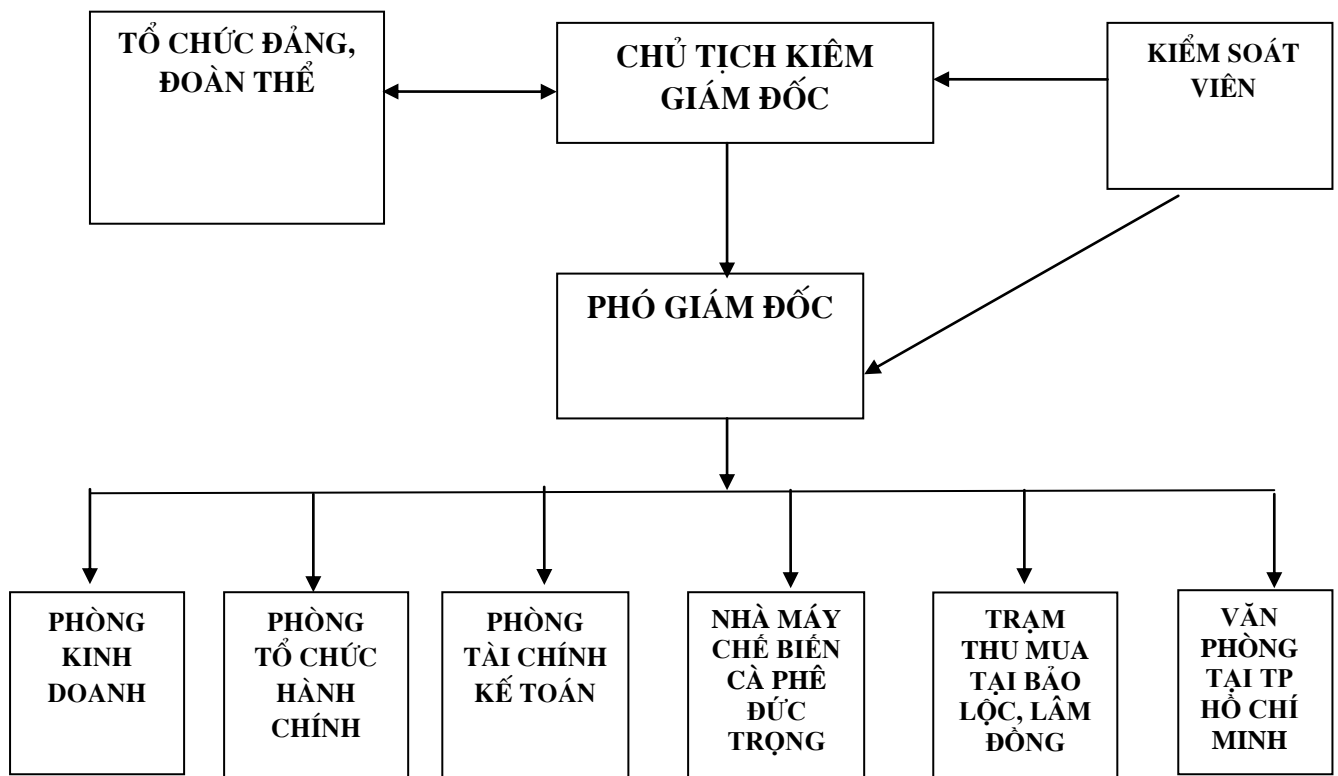
quốc tế và là đơn vị xuất khẩu chính, lớn nhất của Tổng Công ty cà phê Việt Nam.

Hiện nay, Tổng Công ty đang quản lý trên 30.000 ha vườn cà phê kinh doanh, với sản lượng trên 100.000 tấn cà phê nhân. Đây là nguồn nguyên liệu rất lý tưởng cho Công ty kinh doanh, chế biến, xuất khẩu, đặc biệt là cà phê chất lượng cao. Cùng hơn 10 năm kinh nghiệm trong chế biến và xuất khẩu cà phê Công ty luôn đổi mới và phát triển để chế biến ra những sản phẩm cà phê chất lượng cao, đáp ứng và đảm bảo được các yêu cầu khó tính nhất của các khách hàng trong và ngoài nước. Hiện tại các sản phẩm cà phê của Công ty đã được xuất khẩu ra thị trường các nước Châu Âu như: Italia, Pháp, Thụy Sĩ, Đức, Anh, Mỹ...

### 3. Cơ cấu và tổ chức quản lý

\* Sơ đồ hiện trạng tổ chức bộ máy của công ty:

#### SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ



#### 3.1. Chủ tịch kiêm giám đốc công ty

- Chủ tịch kiêm giám đốc công ty chịu trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm về những sai phạm trong quản lý, vi

phạm điều lệ, vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho công ty trước Tổng công ty Cà phê Việt Nam và trước pháp luật.

- Chủ tịch kiêm giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty, là người chịu trách nhiệm chính về hoạt động của công ty.

- Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch công ty:

+ Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm và gửi quyết định đến Chủ sở hữu Công ty để tổng hợp, giám sát;

+ Đề nghị Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc công ty;

+ Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận;

+ Quyết định dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

+ Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty;

+ Thực hiện sắp xếp, tái cơ cấu, đổi mới doanh nghiệp sau khi Đề án được phê duyệt;

+ Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của Chủ sở hữu công ty; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu công ty về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác;

### **3.2 Kiểm soát viên**

- Kiểm soát viên do Tổng công ty Cà phê Việt Nam bổ nhiệm.

- Quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm soát viên:

+ Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty trong việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, quản lý và điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

### **3.3 Bộ máy giúp việc**

Giúp việc cho Giám đốc, các phó Giám đốc và kế toán trưởng, trưởng các phòng chuyên môn.

+ Các phó Giám đốc điều hành một số lĩnh vực hoạt động của công ty theo sự phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Tổng Công ty cà phê Việt Nam về nhiệm vụ được giao.

+ Kế toán trưởng Công ty giúp Giám đốc chỉ đạo tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của kế toán trưởng tuân theo quy định của pháp luật.

+ Trưởng các phòng chuyên môn thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận;

#### 4. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của công ty đăng ký tại thời điểm 16/07/2015 là: 61.818.296.867 đồng ( *Sáu mươi một tỷ, tám trăm mười tám triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm sáu mươi bảy đồng.*)

#### 5. Tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh 3 năm trước khi cổ phần hóa.

##### 5.1 Tình hình sản xuất kinh doanh

**Bảng 1: Bảng tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh**

<i>Các hoạt động</i>	<i>Năm 2012 (đồng)</i>	<i>Năm 2013 (đồng)</i>	<i>Năm 2014 (đồng)</i>
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>129.208.070.079</b>	<b>114.814.770.345</b>	<b>918.114.980.801</b>

(*Nguồn: BC Kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của công ty TNHH MTV Cà phê Đà Lạt*)

**Bảng 2: Cơ cấu doanh thu trước khi cổ phần hóa**

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12		
	Năm 2012 (đã được kiểm toán)	Năm 2013 (đã được kiểm toán)	Năm 2014 (đã được kiểm toán)
<b>Doanh thu BH&amp;CCDV</b>	<b>129.208.070.079</b>	<b>114.814.770.345</b>	<b>918.114.980.801</b>
Trong đó:			
Doanh thu bán nội địa	46.158.628.052	51.378.012.949	32.936.288.700
Doanh thu XK cà phê	83.049.442.027	63.436.757.396	885.178.692.101
Tỷ trọng (%):			
DTXK/ Tổng Doanh thu	64,27	55,25	96,41

Từ bảng trên cho thấy, doanh thu chủ yếu của Công ty là doanh thu xuất khẩu cà phê.

**Bảng 3: Cơ cấu chi phí trước cổ phần hóa**

Chỉ tiêu	Năm 2012 (đã được kiểm toán)		Năm 2013 (đã được kiểm toán)		Năm 2014 (đã được kiểm toán)	
	Giá trị (đồng)	T.T (%)	Giá trị (đồng)	TT (%)	Giá trị (đồng)	T.T (%)
Giá vốn	168.843.138.409	75,9	127.087.807.228	80	901.712.471.587	96,8
Chi phí tài chính	42.430.757.071	19	22.673.382.309	13	5.473.025.133	5,8
Chi phí bán hàng	2.933.528.807	0,13	2.905.569.201	2	16.825.797.594	1,8
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.204.741.403	3,6	5.236.309.940	3	6.929.074.319	7,4
<b>Tổng cộng</b>	<b>222.412.165.690</b>	<b>100</b>	<b>157.903.068.678</b>	<b>100</b>	<b>930.940.368.633</b>	<b>100</b>

(Nguồn: BC Kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của công ty TNHH MTV Cà phê Đà Lạt)

**Bảng 4: Tỷ trọng giá vốn hàng bán / tổng doanh thu**

	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
<b>Giá vốn hàng bán/Tổng doanh thu</b>	<b>130,67%</b>	<b>110,68%</b>	<b>98,21%</b>

(Nguồn: BC Kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của công ty TNHH MTV Cà phê Đà Lạt)

### 5.2 Tình hình công nghệ và thiết bị:

Tận dụng lợi thế sẵn có về đất đai nhà xưởng là nhà máy chế biến cà phê chất lượng cao tại xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng cùng với đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ, áp dụng các ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất để sản xuất mặt hàng cà phê nhân xuất khẩu. Đây cũng là dòng sản phẩm thị trường trong nước và quốc tế đang thịnh hành, và cũng là sản phẩm khẳng định lợi thế của Công ty.

### 5.3 Tình hình tài chính, tài sản trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

**Bảng 5: Tình hình tài chính năm 2012;2013; 2014**

(Trang bên)



CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 (đồng)	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)
1	2	4	5	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	129.208.070.079	114.814.770.345	918.114.980.801
2. Giá vốn hàng bán	11	168.843.138.409	127.087.807.228	901.712.471.587
3. Lợi nhuận (20=10-11)	20	(39.635.068.330)	(12.273.036.883)	16.402.509.214
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	660.682.334	804.450.439	7.940.671.997
5. Chi phí tài chính	23	42.430.757.071	22.673.382.309	5.473.025.133
6. Chi phí bán hàng	24	2.933.528.807	2.905.569.201	16.825.797.594
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.204.741.403	5.236.309.940	6.929.074.319
8. Lợi nhuận thuần từ HĐKD { 30=20+(21-22)-(24+25)}	30	(92.543.413.277)	(42.283.847.894)	(4.884.715.835)
9. Thu nhập khác	31	14.337.270	43.181.818	417.442.487
10. Chi phí khác	32	-	38.541.655	6.403.191.741
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	14.337.270	4.640.163	(5.985.749.254)
12. Tổng lợi nhuận KT trước thuế (50=30+40)	50	(92.529.076.007)	(42.279.207.731)	(10.870.465.089)
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	(92.529.076.007)	(42.279.207.731)	(10.870.465.089)

(Nguồn: BC Kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của công ty TNHH MTV Cà phê Đà Lạt)

### III. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỂ CỔ PHẦN HÓA

#### 1. Những yếu tố thuận lợi và khó khăn khi chuyển sang Công ty cổ phần

##### 1.1 Thuận lợi

- Việc hội nhập WTO đã có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất nhập khẩu mang lại nhiều cơ hội và sự thuận lợi hơn trong tiếp cận thị trường thế giới.
- Việc cổ phần hóa DN tạo điều kiện thuận lợi để tinh giảm, sắp xếp lại lao động, kiện toàn bộ máy quản lý, nâng cao ý thức của đội ngũ cán bộ công nhân viên. Việc công khai, minh bạch kết quả sản xuất kinh doanh trước các cổ đông và các nhà đầu tư tạo động lực lớn trong quá trình triển khai các chiến lược sản xuất kinh doanh của DN, nâng cao được giá trị thương hiệu DN trên thị trường trong và ngoài nước.

- Công ty đã có quá trình xây dựng và phát triển hơn 10 năm, là đơn vị có bề dày truyền thống; Có thương hiệu, uy tín. Có bộ máy tổ chức phù hợp với mô hình doanh nghiệp; Có đội ngũ cán bộ lãnh đạo có kinh nghiệm, tinh thông nghiệp vụ; Văn hóa doanh nghiệp được giữ gìn và không ngừng xây đắp; Có thế hệ cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản.

### ***1.3 Khó khăn***

- Là doanh nghiệp nhỏ, thiếu vốn kinh doanh, sức cạnh tranh không cao. Thiếu cán bộ kế cận có đủ trải nghiệm; Trình độ ngoại ngữ hạn chế, không đồng đều; Thiếu năng động.

- Doanh nghiệp vẫn kinh doanh theo thói quen cũ, chưa tìm ra hướng mới, chưa có được một tầm nhìn và chiến lược dài hạn.

- Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu cùng mặt hàng của Việt Nam cũng như của các quốc gia trong khu vực ngày càng phức tạp.

- Các rào cản thương mại dần dỡ bỏ, thuế đánh vào các sản phẩm nhập khẩu giảm nên làm gia tăng mức độ cạnh tranh trên thị trường nội địa.

- Việc hội nhập quốc tế đó dẫn đến sự biến đổi sâu sắc về vấn đề việc làm. Doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc tuyển dụng lao động có kỹ năng, có trí tuệ và lao động quản lý. Với chính sách tiền lương như hiện nay, doanh nghiệp rất khó thu hút, giữ chân những cán bộ trẻ, người có năng lực.

### ***1.3 Thách thức:***

- Nền kinh tế trong ngoài nước hiện đang bất ổn. Khủng hoảng nợ công dẫn tới suy giảm kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng đến xuất khẩu Việt Nam do các nước thắt chặt chi tiêu khiến sức mua giảm. Rào cản thương mại ngày càng tinh vi, cạnh tranh về thị trường xuất khẩu ngày càng thêm gay gắt. Doanh nghiệp lại nhỏ, nguồn vốn kinh doanh phụ thuộc gần như hoàn toàn vào ngân hàng.

## 2. Tổng giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

**Bảng 6: Tổng giá trị tài sản của Công ty theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp**

Đơn vị tính: đồng

TT	CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI
	1	2	3
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV):</b>	<b>110.155.034.002</b>	<b>133.576.936.279</b>
<b>I.</b>	<b>Tài sản cố định và đầu tư dài hạn:</b>	<b>57.242.249.768</b>	<b>60.221.651.229</b>
<b>1.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>56.563.733.718</b>	<b>59.493.660.469</b>
-	<i>Nguyên giá</i>	<i>99.435.345.174</i>	<i>111.133.752.061</i>
-	<i>Khấu hao lũy kế</i>	<i>(42.871.611.456)</i>	<i>(51.640.091.592)</i>
<b>2</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>678.516.050</b>	<b>727.990.760</b>
<b>3</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	-	-
<b>II.</b>	<b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn:</b>	<b>44.968.124.009</b>	<b>48.163.299.644</b>
<b>1.</b>	<b>Tiền:</b>	<b>26.924.297.874</b>	<b>26.924.297.874</b>
-	<i>Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>411.356.000</i>	<i>411.356.000</i>
-	<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>26.512.941.874</i>	<i>26.512.941.874</i>
<b>2.</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>6.325.637.604</b>	<b>9.453.301.746</b>
<b>3.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>11.598.093.288</b>	<b>11.598.093.288</b>
<b>4.</b>	<b>Tài sản lưu động khác</b>	<b>120.095.243</b>	<b>187.606.736</b>
<b>III.</b>	<b>Giá trị lợi thế thương mại</b>	-	<b>119.184.686</b>
<b>IV.</b>	<b>Giá trị quyền sử dụng đất</b>	<b>7.944.660.225</b>	<b>25.072.800.720</b>
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG</b>	<b>11.016.053.144</b>	<b>11.016.053.144</b>
<b>I.</b>	<b>Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>11.016.053.144</b>	<b>11.016.053.144</b>
<b>1.</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>11.016.053.144</b>	<b>11.016.053.144</b>
<b>C.</b>	<b>TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ</b>	<b>105.682.405</b>	<b>105.682.405</b>
<b>I.</b>	<b>TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>105.682.405</b>	<b>105.682.405</b>
<b>1.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>105.682.405</b>	<b>105.682.405</b>
	<i>Nguyên giá</i>	<i>2.405.828.446</i>	<i>2.405.828.446</i>
	<i>Khấu hao lũy kế</i>	<i>(2.300.146.041)</i>	<i>(2.300.146.041)</i>

<b>D.</b>	<b>TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KT, PHÚC LỢI</b>	-	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)</b>		<b>121.276.769.551</b>	<b>144.698.671.828</b>
<b>TRONG ĐÓ:</b>			
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP (A)</b>		<b>110.155.034.002</b>	<b>133.576.936.279</b>
<b>E1.</b>	<b>Nợ thực tế phải trả</b>	<b>66.254.908.306</b>	<b>66.254.908.306</b>
<b>E2.</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>	-	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A-(E1+E2)}</b>		<b>43.900.125.696</b>	<b>67.322.027.973</b>

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cà phê Đà Lạt tại thời điểm 16/07/2015 đã được phê duyệt)

### 3. Thực trạng tài sản cố định, tài chính, công nợ của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

#### 3.1 Thực trạng tài sản cố định

**Bảng 7: Thực trạng tài sản cố định của Công ty**

TT	Loại tài sản	Số liệu	Số liệu	Chênh lệch
		Sổ kế toán	xác định lại	
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN ĐANG DÙNG</b>	<b>56.563.733.718</b>	<b>59.493.660.469</b>	<b>2.929.926.751</b>
1	Nhà cửa vật kiến trúc	35.446.613.980	38.008.210.507	2.561.596.527
2	Máy móc thiết bị	21.027.872.412	21.365.449.962	337.577.550
3	Phương tiện vận tải	89.247.326	120.000.000	30.752.674
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ</b>	<b>105.682.405</b>	<b>105.682.405</b>	-
1	Phương tiện vận tải	105.682.405	105.682.405	-
<b>CỘNG TÀI SẢN (A+B)</b>		<b>56.669.416.123</b>	<b>59.599.342.874</b>	<b>2.929.926.751</b>

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN để cổ phần hóa của công ty TNHH MTV Cà phê Đà Lạt tại thời điểm 16/07/2015 đã được phê duyệt)

#### 3.2 Thực trạng về tài chính, công nợ

**Bảng 8: Thực trạng về tài chính công nợ năm 2012; 2013; 2014**

Chỉ tiêu	Số liệu Sổ kế toán (đồng)	Số liệu Xác định lại (đồng)	Chênh lệch
<b>1. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>55.021.861.245</b>	<b>55.021.861.245</b>	-

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55.021.861.245	55.021.861.245	-
<b>2. Các khoản phải thu</b>	<b>6.175.761.630</b>	<b>9.303.425.772</b>	<b>3.127.664.142</b>
Phải thu khách hàng	13.516.864	13.516.864	-
Trả trước cho người bán	9.037.304.449	9.037.304.449	-
Phải thu khác	252.604.459	252.604.459	-
Dự phòng phải thu	-3.127.664.142	-	<b>3.127.664.142</b>
<b>3. Các khoản phải trả</b>	<b>66.254.908.306</b>	<b>66.254.908.306</b>	<b>-</b>
Vay và nợ ngắn hạn	27.446.978.200	27.446.978.200	-
Phải trả trước cho người bán	4.445.812.746	4.445.812.746	-
Người mua trả tiền trước	152.466.200	152.466.200	-
Thuế và các khoản phải nộp NN	168.587.968	168.587.968	-
Chi phí phải trả	368.631.200	368.631.200	-
Phải trả CBCNV	93.114.767	93.114.767	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	869.847.213	869.847.213	-
Vay và nợ dài hạn	32.709.470.012	32.709.470.012	-

*(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN để cổ phần hóa của công ty TNHH MTV Cà phê Đà Lạt tại thời điểm 16/07/2015 đã được phê duyệt)*

#### **4. Thực trạng về đất đai đang sử dụng:**

Tại thời điểm cổ phần hóa, Công ty TNHH Một thành viên XNK Cà phê Đà Lạt đang quản lý và sử dụng 2 cơ sở nhà đất.

##### **4.1. Cơ sở nhà đất tại Xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.**

Cơ sở nhà đất này được UBND tỉnh Lâm Đồng cấp theo Quyết định số 1580/QĐ-UB ngày 12/06/2008, đã có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 824265 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 09/12/2009.

**Hồ sơ pháp lý của cơ sở nhà đất này có đặc điểm, kỹ thuật như sau:**

- Theo hồ sơ, khu đất này gồm 11 thửa ghép lại, tại tờ bản đồ số 03 (đo bổ sung), với diện tích là 42.318 m<sup>2</sup> (Bốn mươi hai ngàn, ba trăm mười tám mét vuông đất), là loại đất sản xuất kinh doanh, có thời gian sử dụng 50 năm, hiện đang làm Nhà máy sản xuất, chế biến cà phê chất lượng cao.

**Tại thời điểm cổ phần hóa Công ty đã lập Phương án sử dụng đất, theo đó:**

+ Hình thức sử dụng: Công ty xin tiếp tục sử dụng đất theo phương thức giao đất, không thu tiền sử dụng đất.

Phương án sử dụng đất của Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chấp thuận bằng văn bản.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không thể chấp cho bất cứ tổ chức tín dụng nào.

+ Giá trị Quyền sử dụng đất được xác định căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 22201/2015/CTTĐ- APEC ngày 10 tháng 08 năm 2015 do Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn APEC phát hành.

**4.2 Cơ sở nhà đất tại Thôn 6, xã Lộc An, Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng**

Cơ sở nhà đất này được cấp theo Quyết định số 1179/QĐ-UB ngày 27/05/2005 và Quyết định số 1816/QĐ ngày 18/07/2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, cơ sở nhà đất này có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 243118 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/08/2005.

**Hồ sơ pháp lý của cơ sở nhà đất này có đặc điểm, kỹ thuật như sau:**

- Khu đất này trên thửa đất số 255, tại tờ bản đồ số 30, tọa lạc ở Thôn 6, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, với diện tích là 6.769m<sup>2</sup>, là sản xuất kinh doanh có thời hạn sử dụng là 50 năm. Công ty thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm.

**- Tại thời điểm cổ phần hóa:**

+ Công ty TNHH Một thành viên xuất nhập khẩu cà phê Đà Lạt đã lập Phương án sử dụng đất, theo đó:

+ Hình thức sử dụng: Công ty xin tiếp tục sử dụng đất theo phương thức thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm.

+ Phương án sử dụng đất của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chấp thuận bằng văn bản.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại thời điểm cổ phần hóa không thể chấp cho bất cứ tổ chức tín dụng nào.

**PHẦN THỨ HAI**  
**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CỦA CÔNG TY TNHH MTV**  
**XUẤT NHẬP KHẨU CÀ PHÊ ĐÀ LẠT**

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

**1. Căn cứ pháp lý:**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thay thế Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11, đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Thông tư số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
- Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định 219/QĐ-TCT-ĐMDN ngày 30/06/2015 của Hội đồng thành viên Tổng công ty cà phê Việt Nam về việc chuyển chi nhánh Tổng công ty cà phê Việt Nam- Công ty XNK cà phê Đà Lạt thành Công ty TNHH MTV XNK cà phê Đà Lạt.
- Căn cứ Quyết định số 2101/QĐ-TTg ngày 28/12/2012 của thủ tướng chính phủ về Phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Cà phê Việt nam giai đoạn 2012-2015;
- Căn cứ Quyết định 284/QĐ-BNN-QLDN ngày 25/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cà phê Việt Nam;
- Căn cứ Công văn số 9540/BNN-QLDN ngày 26/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xin ý kiến quy trình, thủ tục sắp xếp hai doanh nghiệp trực thuộc;

- Căn cứ Quyết định 474/QĐ/TCT - ĐMDN của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cà phê Việt Nam ngày 01 tháng 12 năm 2014 về việc thực hiện chuyển Chi nhánh Tổng công ty Cà phê Việt Nam – Công ty Xuất nhập khẩu Cà phê Đà Lạt thành công ty TNHH một thành viên và thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp;
- Căn cứ Công văn 994/ TCT - ĐMDN của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cà phê Việt Nam ngày 08 tháng 12 năm 2014 về việc phổ biến, quán triệt quyết định thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp và báo cáo danh sách Tổ giúp việc;
- Căn cứ Quyết định 441/2015/QĐ-TCT-ĐMDN của Hội đồng thành viên Tổng Công ty cà phê Việt Nam ngày 16 tháng 11 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một thành viên XNK cà phê Đà Lạt để cổ phần hóa;

## **2. Mục tiêu cổ phần hóa**

1. Chuyển đổi Công ty từ loại hình Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu sang loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, huy động vốn của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.
2. Đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp.
3. Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

## **3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa**

- Cổ phần hóa doanh nghiệp với mục đích doanh nghiệp bán cổ phần của mình ra công chúng và CBCNV của công ty để huy động nguồn vốn cho doanh nghiệp. Các nhà đầu tư khi quyết định mua cổ phần thường quan tâm đến giá trị tài sản doanh nghiệp hiện có, tình hình tài chính và công nợ của công ty. Công



ty TNHH Một thành viên XNK Cà phê Đà Lạt là đơn vị có nhiều điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa.

**Yếu tố môi trường bên trong doanh nghiệp:**

+ Là đơn vị có thâm niên trong hoạt động xuất nhập khẩu cà phê. Công ty luôn đổi mới và phát triển để chế biến ra những sản phẩm cà phê chất lượng cao đáp ứng và nhận được sự tin cậy từ các yêu cầu khó tính nhất của các khách hàng trong và ngoài nước. Hiện tại các sản phẩm cà phê của Vinacafe Đà Lạt đã xuất khẩu và có mặt ở các thị trường Italia, Pháp, Thụy Sĩ, Đức, Anh, Mỹ...

+ Hàng hóa đầu vào có phục vụ cho hoạt động xuất khẩu chủ yếu do các đơn vị trực thuộc và các đơn vị độc lập của Tổng công ty cung cấp.

+ Công ty được trang bị dây chuyền sản xuất, chế biến xuất khẩu cà phê chất lượng cao.

**Yếu tố môi trường bên ngoài doanh nghiệp:**

+ Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa tạo thuận lợi cho việc mở rộng thị trường tiêu thụ và xâm nhập thị trường mới.

+ Các quốc gia trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương hồi phục nhanh chóng sau khủng hoảng tài chính – tiền tệ tiếp tục là thị trường tiêu thụ rộng lớn và cùng Châu Âu hình thành không gian kinh tế Á – Âu tạo thuận lợi trong việc tìm kiếm và mở rộng thị trường tiềm năng.

+ Đảng và Chính phủ có các biện pháp hữu hiệu tiếp tục đẩy mạnh việc mở rộng quan hệ đối ngoại, giao thương, củng cố ổn định chính trị ... tạo thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp phát triển.

**4. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa:**

Theo số liệu trên Biên bản Thẩm tra hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 16/07/2015 và Quyết định 441/QĐ-TCT- ĐMDN về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV XNK Cà phê Đà Lạt ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cà phê Việt Nam thì:

Giá trị thực tế tại doanh nghiệp : 133.576.936.279 đồng

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại DN : 67.322.027.973 đồng

Giá trị thực tế phần vốn trên không bao gồm giá trị TSCĐ không cần dùng là công trình “đường vào nhà máy” với tổng giá trị là 11.016.053.144 đồng.

## **II. NỘI DUNG CỦA PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

### **1. Hình thức cổ phần hóa**

Công ty TNHH Một thành viên XNK Cà phê Đà Lạt thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần:

- Phương thức chuyển đổi: Công ty TNHH một thành viên chuyển đổi mô hình thành Công ty cổ phần.
- Hình thức cổ phần hóa: Bán phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp (theo quy định tại Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP).

### **2. Thông tin doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa**

#### **2.1 Tên gọi, trụ sở, tư cách pháp nhân**

Tên tiếng việt : CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU CÀ PHÊ ĐÀ LẠT.

Tên tiếng Anh : DALAT COFFEE IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : **Vinacafe Dalat**

Trụ sở chính : Số 115 QL20, Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại : 0633 841376 ; Fax: 0633 841018

Email : [vinacafedalat@vnn.vn](mailto:vinacafedalat@vnn.vn)

Website : [www.vinacafe-dalat.com](http://www.vinacafe-dalat.com)

- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cà phê Đà Lạt” (Sau đây gọi tắt Công ty) có tư cách pháp nhân, hoạt động theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, có tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty và Luật doanh nghiệp.

- Đại diện pháp luật: Giám đốc Công ty.

#### **2.2 Ngành nghề kinh doanh**

Trên cơ sở những ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên xuất nhập khẩu cà phê Đà Lạt trước đây, căn cứ vào tình hình thực tế khi chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty sẽ đăng ký ngành nghề kinh doanh như sau:

- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
- Kinh doanh phân bón, vật tư phục vụ sản xuất (không bao gồm kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; nguyên vật liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y), vật liệu xây dựng.
- Trồng, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu cà phê, hàng nông sản.

### **2.3 Hình thức pháp lý**

- Công ty cổ phần XNK Cà phê Đà Lạt được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên XNK Cà phê Đà Lạt là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam. Công ty có vốn điều lệ thuộc sở hữu các cổ đông của Công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó. Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Công ty cổ phần XNK cà phê Đà Lạt, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp số 68/2014 ngày 26/11/2014 và các văn bản hiện hành của Nhà nước;

## **3. Quyền hạn của công ty Cổ phần**

### **3.1 Quyền hạn của công ty Cổ phần**

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp ;
2. Lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất và ngành nghề kinh doanh;
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng ;
4. Lựa chọn hình thức và cách huy động vốn ;
5. Kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu ;
6. Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh ;

7. Tự chủ kinh doanh, áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh ;
8. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kì cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích ;
9. Phát hành cổ phiếu và trái phiếu theo quy định tại Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật ;
10. Các quyền khác quy định tại Điều lệ này hoặc được pháp luật quy định.

### **3.2. Nghĩa vụ của công ty Cổ phần**

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành nghề đã đăng ký;
2. Lập chứng từ kế toán, sổ kế toán và lập báo cáo tài chính đảm bảo chính xác, trung thực, kịp thời;
3. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật ;
4. Bảo đảm chất lượng hàng hoá theo tiêu chuẩn đã đăng ký;
5. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh;
6. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động ; tôn trọng quyền của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác theo quy định của pháp luật ;
7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh ;
8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật hiện hành.

### **4. Vốn, cơ cấu vốn điều lệ và phương thức bán cổ phần**

#### **4.1 Vốn điều lệ:**

Căn cứ Quyết định số 441/2015/QĐ-TCT-ĐMDN ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cà phê Việt Nam về việc phê duyệt giá

trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một thành viên XNK cà phê Đà Lạt để cổ phần hóa tại thời điểm 16/07/2015, theo đó:

- Giá trị thực tế tại doanh nghiệp sau xác định lại là : 133.576.936.279 đồng
- Giá trị thực tế phần vốn NN tại DN sau xác định là : 67.322.027.973 đồng

**Căn cứ:**

- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Năng lực quản lý sản xuất kinh doanh của Bộ máy quản lý Công ty;
- Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác;

**Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là:** 67.000.000.000 đồng (Sáu mươi bảy tỷ đồng chẵn), được chia thành: 6.700.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

**Giá khởi điểm chào bán là 10.000 đồng/cổ phần.**

Phần chênh lệch giữa giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp với mức vốn điều lệ được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty cà phê Việt Nam.

**4.2 Cơ cấu vốn điều lệ:**

***Bảng 9: Vốn điều lệ của Công ty cổ phần dự kiến***

<b>Vốn điều lệ của công ty dự kiến</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Số tiền (đồng)</b>
1. Cổ phần nhà nước (65 %)	4.355.000	43.550.000.000
2. Cổ phần người lao động trong DN (0,76%)		
- Người lao động mua ưu đãi giảm giá (0,25%)	16.400	164.000.000
- Người lao động mua theo năm cam kết làm việc lâu dài (0,51%)	34.200	342.000.000
3. Cổ phần bán đấu giá (34,24%)	2.294.400	22.944.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.700.000</b>	<b>67.000.000.000</b>

**5. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá**

**5.1 Đối tượng mua cổ phần:**

Đối tượng mua cổ phần được quy định tại điều 3 chương 2 mục I của Thông tư 196/2011/BTC ngày 26/12/2011 bao gồm:

- CBCNV doanh nghiệp có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.
- Tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại Điểm c Khoản 2, Điều 36, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP. Tổ chức công đoàn ủy quyền cho người có thẩm quyền thực hiện các thủ tục liên quan đến việc mua cổ phần.
- Nhà đầu tư trong nước, nước ngoài theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, bao gồm các tổ chức, cá nhân (kể cả người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa).
- Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư trong nước, nước ngoài theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

## **5.2 Cổ phần bán cho CBCNV**

- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty TNHH Một thành viên XNK cà phê Đà Lạt tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (dự kiến đến 16/11/2015) được quyền mua cổ phần ưu đãi theo năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước ( Khoản 1 điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP), và được ưu đãi mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần.

### **a. Cổ phần ưu đãi cho người lao động theo năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước (Khoản 1, Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP):**

CBCNV doanh nghiệp có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá (dự kiến đến 16/11/2015) là 21 người tương đương với 164 năm công tác được mua cổ phần ưu đãi theo năm thực tế tại khu vực nhà nước.

Căn cứ tại Thông tư 33/2012/TT-LĐTBXH về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐCP ngày 18/07/2011. Công ty TNHH Một thành viên XNK cà phê Đà Lạt đã lập danh sách lao động mua ưu đãi theo năm làm việc. Danh sách này được công bố công khai và được người lao động nhất trí thông qua Hội nghị cán bộ công nhân viên như sau:

Tổng số lao động	21
Tổng số năm công tác	164 năm
Tổng số cổ phần được mua theo giá ưu đãi	16.400 cổ phần tương đương với 0,25% vốn điều lệ
Giá bán cổ phần ưu đãi	60% giá đấu thành công thấp nhất

*(Danh sách người lao động được mua cổ phần ưu đãi theo năm thực tế tại khu vực nhà nước trình bày cụ thể tại biểu 1A trong biểu Phụ lục 1A của phương án này.)*

**b. Cổ phần ưu đãi mua thêm của người lao động của Công ty theo cam kết làm việc lâu dài.**

- Danh sách CBCNV sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần là 25 người được mua cổ phần ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần.

*(Xem tại Phụ lục số 5 của Phương án)*

- Căn cứ quy định tại Khoản 2, Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐCP ngày 18/07/2011 thì lao động thuộc đối tượng cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất 03 năm ( kể từ ngày doanh được cấp giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu được mua thêm cổ phần ưu đãi theo mức 200 cổ phần/cán bộ /1 năm nhưng tối đa không quá 2000 cổ phần/ cán bộ, đối với người lao động là chuyên gia giỏi được mua thêm 500 cổ phần/cán bộ/1 năm nhưng tối đa không quá 5000 cổ phần/ cán bộ).

Công ty TNHH Một thành viên XNK cà phê Đà Lạt đã lập danh sách lao động mua cổ phần ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần, Danh sách này được công bố công khai và được người lao động nhất trí thông qua Hội nghị cán bộ công nhân viên như sau:

Tổng số lao động	22
Tổng số CP được mua theo cam kết làm việc	34.200 cổ phần tương đương với 0,51% vốn điều lệ
Giá bán cổ phần ưu đãi cam kết	Bằng giá đấu thành công thấp nhất
Thời gian thực hiện	Sau khi thực hiện đấu giá công khai

*(Danh sách người lao động được mua cổ phần ưu đãi theo năm cam kết làm việc lâu dài được trình bày cụ thể tại biểu 1B trong phần phụ lục của phương án.)*

**5.3 Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài**

Tại thời điểm này công bố giá trị doanh nghiệp, Công ty chưa lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược. Công ty chọn hình thức bán đấu giá công khai. Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai là 2.294.400 cổ phần tương đương với 34,24 % vốn điều lệ.

## 6. Loại cổ phần và phương thức phát hành

**6.1 Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông

**6.2 Phương thức phát hành:**

- + Đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- + Thời gian thực hiện dự kiến: Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày phương án cổ phần hóa được phê duyệt.

## 7. Chi phí cổ phần hóa

Theo Khoản 4, Điều 12, Thông tư 196/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2011 về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần. Theo đó:

Giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán tại thời điểm cổ phần hóa là 110.155.034.002 đồng thì chi phí cổ phần hóa được phép chi không vượt quá 500.000.000 đồng.

Do đó, Công ty dự kiến tổng chi phí cổ phần hóa sẽ là: 500.000.000 đồng, chi tiết như sau:

**Bảng 10: Dự kiến chi phí cổ phần hóa**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	KHOẢN MỤC PHÍ	CHI PHÍ DỰ KIẾN
	<b>Các khoản chi trực tiếp tại doanh nghiệp</b>	
1	In ấn, photo tài liệu	15.000.000
2	Triển khai học tập cổ phần hóa tại doanh nghiệp	10.000.000
3	Chi phí kiểm kê xác định giá trị tài sản	25.000.000
4	Họp Hội đồng Tổng công ty xác định giá	15.000.000
5	Chi phí lập Phương án và Điều lệ Công ty cổ phần	50.000.000
6	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp	25.000.000
7	Chi phí Đại hội CNVC để cổ phần hóa	20.000.000
8	Chi phí tổ chức bán cổ phiếu	50.000.000
9	Đại hội cổ đông chính thức	30.000.000
10	Chi phí ra mắt công ty Cổ phần	20.000.000
11	Chi phí thuê Kiểm toán, xác định giá trị doanh nghiệp lần 1, lần 2	130.000.000
12	Chi phí cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa và tổ giúp việc	80.000.000
13	Chi phí khác	30.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>500.000.000</b>



## 8. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ chuyển đổi doanh nghiệp

### 8.1 Tiền thu từ bán cổ phần ( tạm tính theo giá khởi điểm)

*Bảng 11: Tiền thu từ bán cổ phần dự kiến*

*Đơn vị tính: đồng*

Khoản mục	Số tiền
<b>Tiền thu từ bán cổ phần tạm tính theo giá khởi điểm, trong đó</b>	<b>23.384.400.000</b>
Tiền thu từ bán ưu đãi cho người lao động theo số năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước.	98.400.000
Tiền thu từ cam kết cho người lao động theo số năm cam kết làm việc lâu dài.	342.000.000
Tiền thu được từ bán đấu giá công khai.	22.944.000.000

### 8.2 Số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo phương án sau:

*Bảng 12: Dự kiến số tiền nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp*

STT	Khoản mục	Ký hiệu	Giá trị (đồng)
<b>1</b>	<b>Vốn điều lệ Công ty cổ phần</b>	<b>(a)</b>	<b>67.000.000.000</b>
<b>2</b>	<b>Vốn nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại</b>	<b>(b)</b>	<b>67.322.027.973</b>
<b>3</b>	<b>Tiền thu từ cổ phần hóa</b>	<b>(c)</b>	<b>23.384.400.000</b>
3.1	Thu từ bán cổ phần ưu đãi cho người lao động		98.400.000
	Bán ưu đãi theo số năm cam kết làm việc lâu dài		342.000.000
3.2	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		22.944.000.000
3.4	Chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá		0
<b>4</b>	<b>Tiền chi cổ phần hóa</b>	<b>(d)</b>	<b>44.115.600.000</b>
	Cổ phần nhà nước chiếm 65%		43.550.000.000
	Chi phí giảm giá cho người lao động (40%)		65.600.000
	Chi phí cổ phần hóa		500.000.000
<b>5</b>	<b>Tổng số tiền thu từ cổ phần hóa phải nộp về Quỹ.</b>	<b>(b) – (d)</b>	<b>23.206.427.973</b>

## 9. Đăng ký giao dịch và niêm yết

Công ty đăng ký giao dịch và niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

## **10. Phương án sắp xếp lao động**

### **10.1 Kế hoạch sắp xếp lại lao động:**

Trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, phát huy năng lực của người lao động. Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là: 25 người
- Số lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là: 0 người
- Số lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần là: 25 người.

### **10.2 Kế hoạch tuyển dụng:**

Dựa trên nhu cầu về nguồn nhân lực để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa công ty sẽ bố trí sắp xếp vị trí nhiệm vụ mới cho phù hợp với những lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần.

## **11. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư:**

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, Công ty không có lao động dôi dư theo điều 49, Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13.

## **12. Phương án sử dụng đất và trụ sở làm việc**

Theo hồ sơ đơn vị cung cấp, tại thời điểm 16/07/2015, diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng và tiếp tục có nhu cầu sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần bao gồm đất tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng, gồm:

1. Thửa đất tại Xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, tổng diện tích mặt bằng là 42.318 m<sup>2</sup>, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 824265 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 09 tháng 12 năm 2009. Theo đó, khu đất này đã được chuyển đổi sang đất chuyên dùng theo văn bản số 9362/UBND ngày 23/12/2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng, Đơn vị đã nộp tiền sử dụng đất một lần vào thời điểm 2009. Thời hạn sử dụng đất từ ngày 09 tháng 12 năm 2009 đến ngày 11/06/2058. Tại thời điểm chuyển đổi, đơn vị xin được sử dụng đất theo hình thức thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm.

2. Thửa đất tại Thôn 6, xã Lộc An, Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng đó được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26 tháng 8 năm 2005, theo đó:

Tổng diện tích là: 6.769m<sup>2</sup>

Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh

Thời hạn sử dụng đất: đến ngày 26 tháng 05 năm 2055

Nguồn gốc đất: Nhà nước cho thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm.

### **13. Phương án về tổ chức quản lý điều hành**

#### ***13.1 Cơ cấu sắp xếp lại các bộ phận trong doanh nghiệp:***

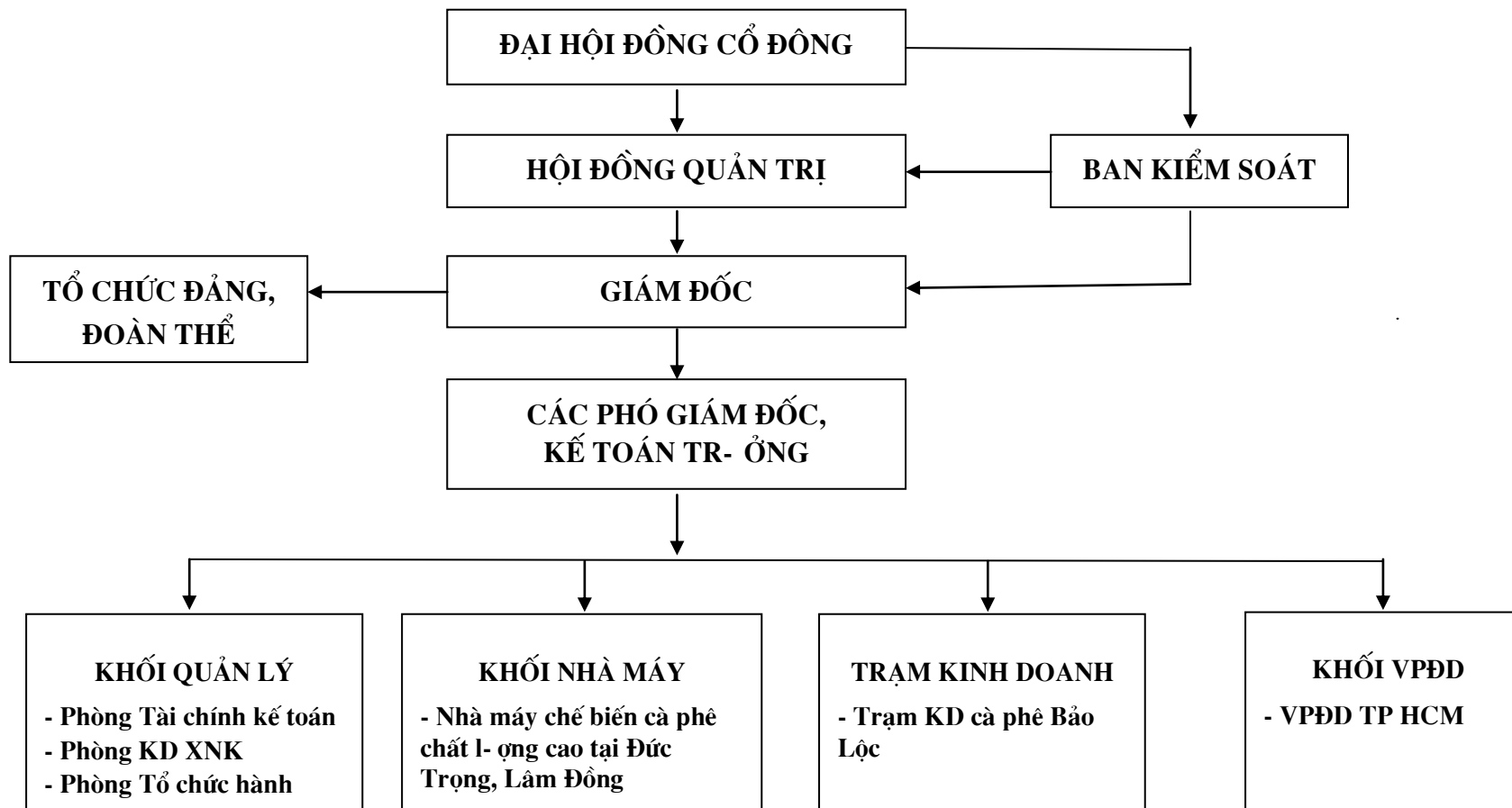
- Hệ thống cơ cấu phòng ban, các đơn vị trực thuộc cơ bản được giữ nguyên trong năm đầu sau cổ phần hóa để ổn định hoạt động, sau đó sẽ có những sắp xếp lại phù hợp theo phương án SXKD của Công ty cổ phần. Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban điều hành gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc
- Các phòng ban chức năng
- Các chi nhánh, nhà máy.

#### ***13.2 Mô hình tổ chức bộ máy khi chuyển sang công ty cổ phần:***

(Trang bên)

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY**  
**Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu cà phê Đà Lạt**  
**(VINACAFE DALAT)**



**a. Định biên nhân sự:**

**Dự kiến bố trí lao động :**

STT	CHỨC VỤ	Số lượng (người)
<b>A</b>	<b>Bộ phận nhân sự khối văn phòng</b>	<b>20</b>
1	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty	: 1
2	Phó Giám đốc, Ban kiểm soát	: 2
3	Kế toán trưởng	: 1
4	Kế toán tổng hợp	: 1
5	Kế toán viên	: 1
6	Thủ quỹ	: 1
7	Trưởng phòng kinh doanh	: 1
8	Nhân viên kinh doanh	: 2
9	VPĐD TP.HCM	: 5
10	Lái xe	: 1
11	Nhân viên văn thư	: 1
12	Nhân viên Trạm Bảo Lộc	: 2
<b>B</b>	<b>Nhà máy chế biến Chất lượng cao Đức Trọng</b>	<b>5</b>
1	Quản đốc điều hành Nhà máy (Thủ kho)	: 1
2	Nhân viên kiểm nghiệm KCS	: 1
3	Nhân viên CB vận hành máy, lái xe nâng	: 2
4	Nhân viên cơ khí, bảo trì, điện, nước	: 1

**b. Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận**

\* Chức năng nhiệm vụ Hội đồng quản trị:

+ Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;

+ Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

+ Trình bày các quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông

\* Chức năng của Ban kiểm soát

+Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty

+Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính

+Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

+Xem sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

\* Chức năng của Giám đốc

+Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

\* Chức năng của các phó giám đốc và kế toán trưởng, trưởng các phòng ban liên quan.

+ Phó giám đốc và trưởng các phòng ban liên quan có nhiệm vụ hỗ trợ cho giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hoá**

### ***14.1 Chiến lược và mục tiêu:***

**Sau khi cổ phần hóa Công ty tập trung sản xuất và kinh doanh thu mua cà phê, chế biến và xuất khẩu cà phê, phương án dự kiến như sau:**

#### **- Phương án thu mua:**

Công ty sẽ chủ yếu tập trung thu mua cà phê nhân xô tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng và các thị trường khác (nếu thuận lợi) với tỷ lệ hạt Loại 1 (R1) của cà phê nhân xô khi nhập vào kho Nhà máy đạt bình quân là 50% trên sàng

16 (R16). Qua thực tế nhập hơn 1.000 tấn hàng cà phê vụn mới của Lâm Đồng vào kho Nhà máy vừa qua *tỷ lệ hạt trên sàng 16 đạt bình quân trên 55%*.- Công ty sẽ khai thác tối đa lợi thế thương mại, công nghệ chế biến, cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị của Nhà máy chế biến cà phê Đức Trọng hiện có đảm bảo xuất khẩu năm 2016 *đạt trên 25% hàng R1 chất lượng cao*.

**-Phương án chế biến cà phê:**

Công ty sẽ phát huy tối đa lợi thế về uy tín là doanh nghiệp của Tổng Công ty Nhà nước có thương hiệu, có cơ sở vật chất, kho tàng rộng lớn, có nguồn vốn ổn định dồi dào với lãi suất thấp và ưu đãi, nếu linh động trong cơ chế mua bán Công ty sẽ đủ sức cạnh tranh và thu hút nguồn hàng về đơn vị hơn so với các công ty khác trên địa bàn.

Với dây chuyền sản xuất hiện đại gồm: 04 máy bần màu; 12 máy Wet Polished; Hệ thống sàng trọng lượng, phân loại Simax KT12, máy tách tạp chất, bần đá hiện đại...) và 02 dây chuyền chế biến cà phê với công suất thiết kế là trên 400 tấn/ngày với 02 ca làm việc.

Để đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm tới, Công ty sẽ cố gắng thu mua đảm bảo lượng hàng để hoạt động trên 1/2 công suất thiết kế là trên 200 tấn/ngày với 01 ca làm việc 8 giờ/ngày (*trong đó có 25% hàng R1 chế biến chất lượng cao*), vào thời kỳ cao điểm Nhà máy đã chế biến sản xuất ra trên 300 tấn/ngày.

Nếu điều kiện thị trường thuận lợi, giá cả hợp lý, giá lên, người dân bán hàng ra nhiều, lượng hàng lưu thông lớn, Công ty sẽ phấn đấu đạt sản lượng cao hơn kế hoạch đề ra, khai thác hết công suất Nhà máy Đức Trọng (60.000 tấn/năm) để có thể chủ động, tiết kiệm và hiệu quả hơn trong sản xuất kinh doanh.

Khi đã tập trung và tổ chức sản xuất lại thật tốt tại Nhà máy chất lượng cao Đức Trọng, khai thác được tất cả lợi thế thương mại, chế biến chất lượng cao và mặt bằng của Nhà máy thì lúc đó có thể tổ chức làm dịch vụ, chế biến, kéo conts và đóng hàng xuất khẩu ngay tại Nhà máy Đức Trọng giống như các Nhà máy:

Acom, Coex, Intimex Bảo Lộc...(hải quan Hồ Chí Minh bám siêu) đang làm rất hiệu quả.

Trong quá trình chế biến cà phê R1 chất lượng cao thì sẽ có một lượng hàng đuôi (khoảng trên dưới 5% hạt đen, vỡ, lỗi...) bị loại ra, Công ty sẽ có phương án đầu trộn lượng hàng này vào 11.250 tấn hàng cà phê R2 5% đen vỡ chế biến thường để xuất đi hết, không để tồn đọng và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

**- Phương án xuất khẩu (bán hàng):**

- Công tác thị trường là công tác rất quan trọng, Công ty sẽ tiếp tục gặp gỡ tiếp xúc, tìm hiểu, nắm bắt nhu cầu và tiếp thị sản phẩm chế biến cà phê chất lượng cao, marketing, nối lại quan hệ và mở rộng thị trường với các khách hàng truyền thống, khách hàng rang xay và khách hàng chất lượng cao nhất là thị trường Nhật, Tây Ban Nha, Ý, Thụy Sĩ...(vì vụ mùa qua họ vẫn mua hàng chất lượng cao của đơn vị qua các nhà thương mại trung gian), phát huy lợi thế thương mại, lợi thế chế biến hiện có của Nhà máy Đức Trọng, chứng minh được sự ổn định, bền vững, phát triển của doanh nghiệp trong niên vụ vừa qua và thời gian sắp tới.

Công ty sẽ có kế hoạch xây dựng giá bán trên cơ sở giá thị trường đang giao dịch của các nhà nhập khẩu thương mại (mua đi, bán lại) trường hợp khai thác, tiếp cận được và bán thẳng trực tiếp vào các thị trường rang xay, thị trường cà phê Chất lượng cao như: Elite, Lavaza, Mitsui, Misubishi, Icona, Cofiroasters...(thị trường truyền thống của đơn vị trước đây) thì giá bán của Công ty sẽ cao hơn thị trường của các nhà nhập khẩu thương mại khác.

Trong quá trình mua bán có những lúc và thời điểm giá cả thị trường biến động không thuận lợi và thất thường, không theo quy tắc thị trường... (ví dụ : Hàng đã mua vào nhưng chưa bán ra được, hoặc hàng đã bán rồi nhưng chưa mua vào được) thì Công ty sẽ dùng phương án bảo hiểm hàng hoá (HEDGING) trên tài khoản MB của Ngân hàng Quân đội để bảo toàn vốn và chặn lỗ, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả trong mọi tình huống.



Trong công tác bán hàng Công ty cố gắng tận dụng tối đa và phát huy được lợi thế chân hàng (hàng gửi kho của các đơn vị), cố gắng huy động và duy trì lượng hàng gửi kho, bán trừ lùi của các đơn vị trong Tổng công ty và đại lý theo kế hoạch. Khi có lượng hàng gửi kho và bán trừ lùi trên Công ty sẽ phát huy lợi thế bán hàng và tăng thêm thu nhập tài chính (như năm 2015 vừa qua): Vì nếu có lượng hàng gửi trên, khách hàng gửi hàng vào và ứng vốn (tạm tính thời gian gửi hàng tối đa là 06 tháng thì Công ty sẽ thu được chênh lệch lãi suất (bình quân 0,5%/tháng) cũng đem lại một khoản lợi nhuận đáng kể; có thể chủ động bán hàng, chào bán ra theo giá thỏa thuận (kinh doanh tình huống) khi thị trường vắng hàng, thiếu hàng giao ngay; Còn khách hàng nhập kho và bán trừ lùi thì có thể bán hàng kỳ hạn giao xa, thu chênh lệch tháng, phí chuyển tháng...

### 14.3 Các chỉ tiêu chính

**Để đảm bảo được nguồn nguyên liệu ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã lên kế hoạch sản xuất kinh doanh cho giai đoạn 03 sau cổ phần hóa như sau:**

**\* Kế hoạch mua vào: - Đơn vị tính: (tấn/triệu đồng)**

Mặt hàng	Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch năm 2017		Kế hoạch năm 2018	
	Khối lượng (tấn)	Giá Trị (Tr. Đồng)	Khối lượng (tấn)	Giá Trị (Tr. Đồng)	Khối lượng (tấn)	Giá Trị (Tr. Đồng)
<b>Cà phê nhân xô</b>						
+ Cà phê vối	<b>25.000</b>	<b>1.000.000</b>	<b>37.000</b>	<b>1.500.000</b>	<b>50.000</b>	<b>2.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>25.000</b>	<b>1.000.000</b>	<b>37.000</b>	<b>1.500.000</b>	<b>50.000</b>	<b>2.000.000</b>

**\* Kế hoạch bán ra (xuất khẩu): - Đơn vị tính: (tấn/triệu đồng)**

Mặt hàng	Kế hoạch năm 2016		Kế hoạch năm 2017		Kế hoạch năm 2018	
	Khối lượng (tấn)	Giá Trị (Tr. Đồng)	Khối lượng (tấn)	Giá Trị (Tr. Đồng)	Khối lượng (tấn)	Giá Trị (Tr. Đồng)
<b>Cà phê nhân xô</b>						
+ Cà phê vối	<b>25.000</b>	<b>1.000.000</b>	<b>37.000</b>	<b>1.500.000</b>	<b>50.000</b>	<b>2.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>25.000</b>	<b>1.000.000</b>	<b>37.000</b>	<b>1.500.000</b>	<b>50.000</b>	<b>2.000.000</b>

**\* Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến giai đoạn 2016 -2018 .**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Tổng số lao động	25	30	35
2	Tổng quỹ lương (Tr.đồng)	3.000	4.400	6.250
3	Thu nhập bình quân tr/tháng	10	12	15
4	Vốn điều lệ (Tr.đồng)	67.000	80.000	100.000
5	Doanh thu (Tr.đồng)	1.077.000	1.615.500	2.154.000
6	Chi phí (Tr.đồng)	1.065.000	1.602.000	2.135.000
7	Lợi nhuận trước thuế (Tr.đồng)	12.000	13.500	19.000
8	Thuế TNDN (Tr.đồng)	2.640	2.970	4.180
9	LNST(Tr.đồng)	9.360	10.530	14.820
10	Cổ tức hàng năm	10%	10%	10%

**15. Các giải pháp thực hiện**

**15.1 Giải pháp về thị trường, nguồn hàng, xây dựng thương hiệu**

+ Đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu, củng cố các thị trường truyền thống.

Đẩy mạnh khai thác các thị trường tiềm năng:...

+Tập trung tốt các cơ hội mở cửa của thị trường nước ngoài, cắt giảm thuế quan để đẩy mạnh xuất khẩu.

+ Tập trung định hướng vào xuất khẩu trực tiếp.

+ Tập trung nguồn lực để phát triển mặt hàng XNK chủ yếu (cà phê, các mặt hàng nông sản...) , đồng thời nghiên cứu mở rộng các mặt hàng mới.

+ Từng bước tham gia vào mạng lưới sản xuất và cung ứng hàng xuất khẩu.

+ Liên kết với Tổng công ty về việc xây dựng kho hàng nông sản xuất khẩu, chia sẻ thông tin về khách hàng (khách hàng nội, khách hàng ngoại), về giá cả hàng hóa, về xúc tiến thị trường xuất khẩu ...

- + Chọn lọc khách hàng, mặt hàng, đánh giá lại năng lực tài chính của khách trước khi ký kết hợp đồng kinh tế và phải quản hàng thực sự đối với hàng nhập khẩu.
- + Không ứng vốn nếu không đủ điều kiện đảm bảo và biện pháp quản hàng.
- + Sửa đổi, ban hành các qui chế qui định về quản lý Phương án kinh doanh, quản lý tài chính gắn liền với trách nhiệm cá nhân.
- + Đẩy mạnh XTTM trong ngoài nước thông qua các chương trình Hội chợ, Hội thảo, XTTM... nhằm quảng bá thương hiệu, tìm kiếm cơ hội kinh doanh.
- + Tiếp tục khẳng định và phát triển thương hiệu Vinacafe Đà Lạt trên thị trường trong và quốc tế.

### **15.2 Giải pháp về tổ chức, quản lý.**

- Ban hành các qui chế, qui định về quản lý mang tính tập trung, buộc các bộ phận phải tuân thủ.
- Nâng nhận thức và trách nhiệm của trưởng bộ phận về thực hiện các qui chế, qui định của Công ty.
- Giám sát hoạt động của các đơn vị, kịp thời phát hiện rủi ro để có các biện pháp ngăn chặn.
- Phổ biến, triển khai sâu rộng các Nghị quyết của Tổng công ty. Đối với Nghị quyết về tiết giảm chi phí quản lý, chi phí kinh doanh yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch chi tiết về từng khoản mục với mức tiết giảm cụ thể và phổ biến đến từng CBCNV để phấn đấu thực hiện.
- Tận thu các nguồn lực, thu hồi các khoản công nợ quá hạn, tăng cường hiệu quả khai thác, sử dụng mạng lưới cũng là một hình thức tiết kiệm, tăng hiệu quả kinh doanh. Phấn đấu đến năm 2016, xử lý dứt điểm các khoản công nợ khó đòi, tồn đọng từ nhiều năm trước.

### **15.3 Giải pháp lao động**

Để có nguồn nhân lực đủ năng lực đáp ứng yêu cầu cho hoạt động SXKD của Công ty, cần phải có chiến lược phát triển con người một cách toàn diện,

điều này đồng nghĩa với việc thực hiện tốt công tác cán bộ, công tác tuyển chọn, đào tạo bồi dưỡng cũng như qui hoạch nhân sự. Đây là yếu tố có ý nghĩa then chốt, quyết định trực tiếp tới hiệu quả hoạt động của Công ty. Trong những năm qua, do có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, đầy trách nhiệm, năng động, sáng tạo trong việc thực thi nhiệm vụ, Công ty đã gặt hái nhiều thành công, hạn chế tối đa thất thoát.

- + Nâng cao chất lượng bộ máy của các đơn vị
- + Nâng cao trách nhiệm của trưởng đơn vị.
- + Đánh giá nguồn nhân lực hiện có.
- + Rà soát chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận
- + Xác định biên nhân sự cho từng bộ phận
- + Xác định nhu cầu tuyển dụng bổ sung nhân sự và luân chuyển cán bộ trong nội bộ
- + Thực hiện công tác phát triển nguồn nhân lực: bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ từ cấp Công ty quản lý đến các đơn vị (ưu tiên đề bạt cán bộ trẻ, kế cận).
- + Hàng năm xây dựng kế hoạch đào tạo và tổ chức thực hiện thường xuyên liên tục việc đào tạo lại cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu công việc từng thời kỳ.
- + Xây dựng bản mô tả công việc đối với từng vị trí, có yêu cầu cụ thể về năng lực, trình độ cũng như hiệu quả cần đạt được.
- + Kiến toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự của từng đơn vị một cách minh bạch với những tiêu chí cụ thể.
- + Kịp thời động viên, khuyến khích khen thưởng, xử phạt đúng đối tượng tạo niềm tin, khích lệ người lao động phát huy hết năng lực phục vụ cho lợi ích của Công ty.
- + Xây dựng chính sách tiền lương – thu nhập thực sự trở thành đòn bẩy cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng.

#### **15.4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực**

Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành.

Nâng cao trình độ tin học phù hợp cho CBCNV đảm bảo toàn bộ CBCNV khai thác thành thạo các ứng dụng CNTT trong công việc của mình;

Tăng cường ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh xuất nhập khẩu;

ứng dụng các phần mềm quản lý trong công tác văn phòng, nhân sự, tiền lương

Đảm bảo thiết bị tin học phục vụ nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn Công ty.

#### **15.5 Giải pháp về công nghệ**

Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành.

Nâng cao trình độ tin học phù hợp cho cán bộ công nhân viên đảm bảo toàn bộ cán bộ công nhân viên khai thác thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc của mình;

Tăng cường ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh xuất nhập khẩu;

ứng dụng các phần mềm quản lý trong công tác văn phòng, nhân sự, tiền lương

...

Đảm bảo thiết bị tin học phục vụ nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn Công ty.

#### **15.6 Giải pháp về xây dựng văn hoá doanh nghiệp**

Văn hóa doanh nghiệp chính là tài sản vô hình của mỗi doanh nghiệp. Cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường thì việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết. Văn hóa doanh nghiệp tạo nên sự khác biệt giữa các doanh nghiệp, được coi là truyền thống riêng của mỗi doanh nghiệp. Đối với Vinacafe Dalat, văn hóa doanh nghiệp là tạo cho Công ty một không khí làm việc như một gia đình lớn, các thành viên gắn bó với nhau trong một mái nhà chung.

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp của Công ty là xây dựng văn hóa Vinacafe Dalat với bản sắc riêng mang đậm nét văn hoá của Tỉnh Lâm Đồng.

- Phát huy truyền thống đã có qua nhiều thế hệ: Tự hào về thương hiệu, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, hỗ trợ nhau trong công việc, gắn bó yêu thương giữa các đồng nghiệp, chia sẻ buồn vui trong cuộc sống.
- Hoàn thiện và áp dụng chuẩn mực về tinh thần làm việc và hợp tác trong công việc, thái độ ứng xử giữa các đồng nghiệp, giữa cấp dưới với cấp trên, giữa cấp trên và cấp dưới, với đối tác...
- Tổ chức các sự kiện, các hoạt động tập thể nhân ngày truyền thống, Năm mới, Trung thu ... tạo điều kiện giao lưu giữa các đơn vị trực thuộc và toàn thể cán bộ công nhân viên để có cơ hội hiểu biết gắn bó nhau hơn.

### **15.7 Giải pháp về liên kết nội bộ Tổng công ty**

- Liên kết chặt chẽ với TCT trong lĩnh vực đầu tư phát triển hạ tầng thương mại.
- Phối hợp với Tổng công ty trong các chương trình Hội chợ, xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu.
- Tham gia cùng Tổng công ty xây dựng kho hàng xuất khẩu để chủ động nguồn hàng xuất khẩu.

## **PHẦN THỨ BA**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **1. Các bước tiến hành sau khi phương án được duyệt**

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV XNK cà phê Đà Lạt được phê duyệt bởi Tổng công ty Cà phê Việt Nam, Công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình như sau:

1. Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài, cho đối tác chiến lược; bán cổ phần ưu đãi cho CNCNV từ ngày 24 đến ngày 31/12/2015.
2. Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa từ ngày 10 đến ngày 15/01/2016.
3. Tổ chức đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bổ nhiệm Ban Giám đốc và thông qua Phương án sản xuất kinh doanh: Từ ngày 16 đến ngày 31/01/2016.
4. Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho Công ty Cổ phần, thực hiện quyết toán phần vốn nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn và toàn bộ sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị, tổ chức ra mắt Công ty cổ phần và đăng báo từ ngày 26/01 đến ngày 31/03/2016.

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cà phê Đà Lạt là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để Công ty mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Kính đề nghị Tổng công ty Cà phê Việt Nam xem xét và phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV XNK cà phê Đà Lạt để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo.

**CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



**NGÔ MINH NAM**